

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-02-2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con,  
chia tài sản và nợ chung khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các Hội thẩm Nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thay;
- Ông Phan Ngọc Thạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quan Thị Hồng T**, sinh năm 1984; nơi cư trú: **Thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh**; nơi tạm trú: **Tổ D, ấp G, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh** (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Bùi Tiến T1**, sinh năm 1983; nơi cư trú: **Thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh**; nơi tạm trú: **Tổ D, ấp G, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh** (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Cao Thị L**, sinh năm 1962; nơi cư trú: **Thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh** (vắng mặt).

3.2. Ngân hàng N2; địa chỉ trụ sở: Số B, Đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N2: Ông Trần Khánh N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N2, Chi nhánh B, H - theo văn bản ủy quyền ký ngày 01-12-2022 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Khánh N: Ông Nguyễn Trọng D, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N2, Chi nhánh B, H - theo văn bản ủy quyền ký ngày 01-3-2023 (vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-7-2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Quan Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Quan Thị Hồng T và anh Bùi Tiến T1 chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân (UBND) xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Đến năm 2016, vợ chồng ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 63/2016/QĐST-HNGĐ, ngày 07-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Sau đó, vì còn tình cảm nên chị T và anh T1 chung sống lại với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 06-12-2019 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ, chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 03 cháu tên Bùi Thị Minh T2, sinh ngày 01-5-2004; Bùi Minh V1, sinh ngày 09-11-2012 và Bùi Tiến N1, sinh ngày 11-8-2014. Nay chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V1 và đồng ý giao cháu N1 cho anh T1 nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Đối với cháu T2 đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

- Nợ bà Cao Thị L số tiền mua vật liệu xây dựng 26.785.000 đồng. Nay chị T đồng ý cùng với anh T1 trả cho bà L số tiền 26.785.000 đồng.

- Nợ Ngân hàng N2, Chi nhánh B, H (Ngân hàng) số tiền vay 200.000.000 đồng. Do Ngân hàng không khởi kiện nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản và nợ chung khi ly hôn, ngày 28-7-2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Tiến T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh **Bùi Tiến T1** thống nhất theo lời trình bày của chị **Quan Thị Hồng T** về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên anh **T1** đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **T**.

Về con chung: Có 03 cháu như chị **T** trình bày. Nay anh **T1** yêu cầu được nuôi dưỡng cháu **Bùi Tiến N1** và đồng ý giao cháu **Bùi Minh V1** cho chị **T** nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Đối với cháu **Bùi Thị Minh T2** đã thành niên nên anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

- 01 Phần đất diện tích 111,1 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại **Thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh** do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H** cấp cho chị **T** và anh **T1** đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 30-5-2022.

- 01 Nhà cấp 4 xây dựng năm 2022, trị giá 750.000.000 đồng, diện tích chiều ngang 08 m X chiều dài 11 m, xây dựng trên phần đất diện tích chiều ngang 17 m X chiều dài 17,5 m, tọa lạc tại **Xóm F, thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh** do ông **Quan Anh S** (cha ruột của chị **T**) đứng tên GCNQSDĐ.

Theo đơn khởi kiện ngày 28-7-2023, anh **T1** chỉ yêu cầu chia tài sản chung là Nhà cấp 4 xây dựng năm 2022, diện tích chiều ngang 08 m X chiều dài 11 m, không yêu cầu chia phần đất diện tích 111,1 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 62. Đến ngày 03-01-2024, anh **T1** có đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 28-7-2023 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ, chồng.

Về nợ chung:

- Nợ bà **Cao Thị L** số tiền mua vật liệu xây dựng 26.785.000 đồng. Anh **T1** đồng ý cùng với chị **T** trả cho bà **L** số tiền 26.785.000 đồng.

- Nợ **Ngân hàng N2, Chi nhánh B, Hà Tĩnh** II số tiền vay 200.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện ngày 28-7-2023, anh **T1** yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên nhưng do Ngân hàng không khởi kiện nên anh **T1** rút lại yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền vay 200.000.000 đồng của Ngân hàng.

*Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, ngày 24-01-2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Cao Thị L** trình bày:*

Bà **Cao Thị L** là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng **L** tại **Thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh**. Từ ngày 13-3-2022 đến ngày 24-5-2022, vợ, chồng anh **Bùi Tiến T1** và chị **Quan Thị Hồng T** có mua vật liệu xây dựng để xây nhà tại Cửa hàng xây dựng của bà **L**. Anh **T1** và chị **T** đã thanh toán một phần và còn nợ lại bà **L** số tiền 46.785.000 đồng. Đến ngày 07-3-2023, anh **T1** có chuyển khoản trả cho bà **L** số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ lại 26.785.000 đồng đến nay chưa trả. Do đó, bà **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giải quyết: Buộc anh **T1** và chị **T** trả cho bà **L** số tiền 26.785.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng N2** do người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Trọng D** trình bày:

Anh **Bùi Tiến T1** và chị **Quan Thị Hồng T** vay nợ **Ngân hàng N2**, Chi nhánh B, H, theo Hợp đồng tín dụng số 3713-LAV-202201780 và Giấy nhận nợ số 3713-LDS-202202569 cùng ngày 24-8-2022, số tiền vay 200.000.000 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 25-01-2024 là 181.500.000 đồng, trong đó nợ gốc là 180.000.000 đồng, nợ lãi là 1.500.000 đồng. Khoản nợ vay trên đang trong thời hạn cho vay và anh **T1**, chị **T** vẫn nộp tiền lãi đầy đủ cho Ngân hàng nên Ngân hàng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ vay trên. Trường hợp, đến thời hạn trả nợ vay hoặc anh **T1** và chị **T** không trả nợ vay đầy đủ dẫn đến khoản nợ vay quá hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Quan Thị Hồng T** và anh **Bùi Tiến T1**.

+ Về con chung: Giao cháu **Bùi Minh V1**, sinh ngày 09-11-2012 cho chị **T** nuôi dưỡng. Giao cháu **Bùi Tiến N1**, sinh ngày 11-8-2014 cho anh **T1** nuôi dưỡng. Ghi nhận, chị **T** và anh **T1** không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị **T** và anh **T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu **Bùi Thị Minh T2**, sinh ngày 01-5-2004 đã thành niên nên chị **T** và anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh **T1** đối với chị **T**. Ghi nhận, chị **T** và anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ, chồng.

+ Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà **Cao Thị L** đối với chị **T** và anh **T1**. Buộc chị **T** và anh **T1** có nghĩa vụ trả cho bà **L** số tiền 26.785.000 đồng. Ghi nhận, bà **L** không yêu cầu tính tiền lãi.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị **Quan Thị Hồng T**, anh **Bùi Tiến T1**, bà **Cao Thị L** và ông **Nguyễn Trọng D** - đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng N2** đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[1.2] Ngày 03-01-2024, anh **Bùi Tiến T1** có đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 28-7-2023 (về việc yêu cầu chia tài sản chung) nên Hội đồng xét xử không đưa ông **Quan A S** tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, vì không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của ông **S**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Quan Thị Hồng T** và anh **Bùi Tiến T1** chung sống với nhau từ năm 2003 và đăng ký kết hôn vào ngày 06-12-2019 tại **UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét trong thời gian chung sống vợ, chồng, chị **T** và anh **T1** phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ, chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau. Xét tình cảm vợ, chồng giữa chị **T** và anh **T1** không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa chị **T** và anh **T1** là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 03 cháu tên **Bùi Thị Minh T2**, sinh ngày 01-5-2004; **Bùi Minh V1**, sinh ngày 09-11-2012 và **Bùi Tiến N1**, sinh ngày 11-8-2014. Chị **T** và anh **T1** thống nhất giao cháu **V1** cho chị **T** nuôi dưỡng và giao cháu **N1** cho anh **T1** nuôi dưỡng, đồng thời cháu **V1** có nguyện vọng được sống với chị **T**, cháu **N1** có nguyện vọng được sống với anh **T1**. Chị **T** và anh **T1** không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, được Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với cháu **T2** đã thành niên nên chị **T** và anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ, chồng. Đối với anh **T1** thì ngày 28-7-2023, anh **T1** nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ, chồng là 01 Nhà cấp 4 xây dựng năm 2022, trị giá 750.000.000 đồng, diện tích chiều ngang 08 m X chiều dài 11 m, xây dựng trên phần đất diện tích chiều ngang 17 m X chiều dài 17,5 m, tọa lạc tại **Xóm F, thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh** do ông **Quan Anh S** đứng tên GCNQSDĐ và không yêu cầu chia tài sản chung nào khác. Đến ngày 03-01-2024, anh **T1** có đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 28-7-2023 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ, chồng. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh **T1** đối với chị **T**. Anh **T1** có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy

định của pháp luật. Ghi nhận, chị **T** và anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ, chồng.

[5] Về nợ chung:

[5.1] Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của bà **Cao Thị L**: Chị **T** và anh **T1** thống nhất có nợ tiền mua vật liệu xây dựng của bà **L** số tiền 26.785.000 đồng và chị **T**, anh **T1** đồng ý trả cho bà **L** số tiền 26.785.000 đồng, được Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của bà **L** đối với chị **T** và anh **T1**, buộc chị **T** và anh **T1** có nghĩa vụ trả cho bà **L** số tiền 26.785.000 đồng. Ghi nhận, bà **L** không yêu cầu tính tiền lãi.

[5.2] Đối với số tiền vay 200.000.000 đồng của **Ngân hàng N2, Chi nhánh B, Hà Tĩnh** II thì ngày 28-7-2023, anh **T1** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đôi số nợ trên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng cho rằng, dư nợ của chị **T** và anh **T1** tạm tính đến ngày 25-01-2024 là 181.500.000 đồng, trong đó nợ gốc là 180.000.000 đồng, nợ lãi là 1.500.000 đồng. Khoản nợ vay trên đang trong thời hạn cho vay và anh **T1**, chị **T** vẫn nộp tiền lãi đầy đủ cho Ngân hàng nên Ngân hàng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ vay trên. Sau đó, anh **T1** rút lại yêu cầu khởi kiện trên và chị **T**, anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết đối với yêu cầu trên và sẽ được tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có tranh chấp và có đơn khởi kiện.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng.

[6.2] Chị **T** và anh **T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nợ chung là 1.339.000 đồng (26.785.000 đồng X 5%). Trong đó, chị **T** và anh **T1** mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nợ chung là 669.500 đồng (1.339.000 đồng : 2). Như vậy:

- Chị **T** phải chịu tổng cộng tiền án phí dân sự sơ thẩm là 969.500 đồng (300.000 đồng + 669.500 đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Chị **T** còn phải nộp 669.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh **T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 669.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.250.000 đồng. Anh **T1** được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.580.500 đồng.

[6.3] Bà **L** là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 27, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 217, 218, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Quan Thị Hồng T** và anh **Bùi Tiến T1**.

2. Về con chung: Giao cháu **Bùi Minh V1**, sinh ngày 09-11-2012 cho chị **Quan Thị Hồng T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu **Bùi Tiến N1**, sinh ngày 11-8-2014 cho anh **Bùi Tiến T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận, chị **Quan Thị Hồng T** và anh **Bùi Tiến T1** không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị **Quan Thị Hồng T** và anh **Bùi Tiến T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu **Bùi Thị Minh T2**, sinh ngày 01-5-2004 đã thành niên nên chị **Quan Thị Hồng T** và anh **Bùi Tiến T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh **Bùi Tiến T1** đối với chị **Quan Thị Hồng T**. Anh **Bùi Tiến T1** có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật. Ghi nhận, chị **Quan Thị Hồng T** và anh **Bùi Tiến T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ, chồng.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà **Cao Thị L** đối với chị **Quan Thị Hồng T** và anh **Bùi Tiến T1**. Buộc chị **Quan Thị Hồng T** và anh **Bùi Tiến T1** có nghĩa vụ trả cho bà **Cao Thị L** số tiền 26.785.000 đồng (hai mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Ghi nhận, bà **Cao Thị L** không yêu cầu tính tiền lãi.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Chị **Quan Thị Hồng T** phải chịu 969.500 đồng (chín trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008448, ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị **Quan Thị Hồng T** còn phải nộp 669.500 đồng (sáu trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Anh **Bùi Tiến T1** phải chịu 669.500 đồng (sáu trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.250.000 đồng (sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0008493, ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; anh **Bùi Tiến T1** được hoàn trả lại số

tiền chênh lệch là 5.580.500 đồng (năm triệu, năm trăm tám mươi nghìn, năm trăm đồng).

5.3. Bà **Cao Thị L** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Suối Dây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Đức Dũng**